

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU K
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30 -11- 2018

V/v Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU K, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Quone

2. Bà Đinh Thị Tình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Hòa Xuân là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Thạch Sấm Át là Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Cầu K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 257/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn:*** Bà Thạch Thị R, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Ô Rôm, xã Châu Điền, huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh.

-***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Hùng S, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Ô Rôm, xã Châu Điền, huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án bà Thạch Thị R là nguyên đơn trình bày: Bà R và ông Nguyễn Hùng S chung sống với nhau năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Điền, huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh, có 02 con chung tên: Nguyễn Hùng Ph, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2003 và Nguyễn Hùng Ph, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2009 hiện 02 con đang do bà R trực tiếp nuôi dưỡng. Nay bà R yêu cầu ly hôn với ông Sơn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, vợ chồng không hạnh phúc nên đã không còn chung sống với nhau từ năm 2009 cho đến nay.

Khi ly hôn về con chung bà R yêu cầu tiếp tục được nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà R khai bà và ông Sơn không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Hùng S là bị đơn vắng mặt và không cung cấp lời khai.

Nguyễn Hùng Ph và Nguyễn Hùng Ph là con chung của bà R với ông S có ý kiến như sau: Khi bà R, ông S ly hôn có nguyện vọng tiếp tục sống chung với bà Thạch Thị R.

Quan điểm của vị đại diện Viện Kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với nguyên đơn là bà Thạch Thị R từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với ông Nguyễn Hùng S chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị R. Cho bà R được ly hôn với ông Nguyễn Hùng S.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hùng Ph, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2003 và Nguyễn Hùng Ph, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2009 cho bà Thạch Thị R trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thạch Thị R không yêu cầu ông Nguyễn Hùng S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Thạch Thị R không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Thạch Thị R khai không có nên không giải quyết.

Về án phí: Buộc bà Thạch Thị R phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Hùng S là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hùng S là phù hợp quy định pháp luật.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị R và ông Nguyễn Hùng S chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa bà Thạch Thị R yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hùng S, lý do bà R và ông S không có sự quan tâm, yêu thương, giúp đỡ nhau, thường xuyên cự cãi và không còn chung sống với nhau từ năm 2009 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện cuộc sống hôn nhân của bà R và ông S có nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng sống không hạnh phúc. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn giữa bà R và ông S xảy ra trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên bà R yêu cầu ly hôn với ông S là có cơ sở chấp nhận.

[3]Về con chung: Bà Thạch Thị R yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Nguyễn Hùng Ph, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2003 và Nguyễn Hùng Ph, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2009. Xét thấy từ khi bà R và ông S không còn chung sống với nhau bà R là người trực tiếp nuôi con. Do đó, để ổn định về tâm lý, điều kiện sinh hoạt của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao Nguyễn Hùng Ph và Nguyễn Hùng Ph cho bà R được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích quy định của pháp luật về việc người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng bà R không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[4]Về tài sản chung: Bà R không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà R khai không có nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5]Về án phí: Xét thấy cần buộc bà Thạch Thị R phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của vị Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị R.

Về hôn nhân: Bà Thạch Thị R được ly hôn với ông Nguyễn Hùng S

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Hùng Ph, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2003 và Nguyễn Hùng Ph, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2009 cho bà Thạch Thị R trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thạch Thị R không yêu cầu ông Nguyễn Hùng S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Về tài sản chung: Bà Thạch Thị R không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Bà Thạch Thị R khai không có nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Thạch Thị R phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0018032 ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu K. Bà R đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Nguyễn Hùng S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cầu K;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện Cầu K;
- UBND xã Châu Diên, huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng

